

Số: /TB-XHNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ người nước ngoài năm 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 2459/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 2458/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội ;

Căn cứ Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý và thu hút người nước ngoài học tập ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1028/HD-ĐHQGHN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2025;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh sau đại học năm 2025 đối với đối tượng người nước ngoài theo các nội dung sau:

I. Các ngành học tuyển sinh:

A. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ:

| TT | Chương trình đào tạo | Mã số | Ghi chú |
|----|--|------------|------------|
| 1 | Báo chí học | 8320101 | |
| 2 | Công tác xã hội | 8760101 | |
| 3 | Chính trị học | 8310201 | |
| 4 | Chính sách công | 8340402 | |
| 5 | Du lịch | 8810101 | |
| 6 | Đông phương học | 8310608.01 | Châu Á học |
| 7 | Hán Nôm | 8220104 | |
| 8 | Khoa học Quản lý | 8340401 | |
| 9 | Lịch sử | 8229010 | |
| 10 | Lưu trữ học | 8320303 | |
| 11 | Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình | 8210231 | |
| 12 | Ngôn ngữ học | 8229020 | |
| 13 | Nhân học | 8310302 | |

| TT | Chương trình đào tạo | Mã số | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------|--------------|--------------------------------|
| 14 | Nhật Bản học | 8310613 | |
| 15 | Quản lý khoa học và công nghệ | 8340412 | |
| 16 | Quản lý văn hoá | 8319042 | |
| 17 | Quản trị văn phòng | 8340406 | |
| 18 | Quản trị báo chí truyền thông | 8320109 | Định hướng ứng dụng |
| 19 | Quốc tế học | 8310601.01 | Quan hệ quốc tế |
| 20 | Tâm lý học | 8310401 | |
| 21 | Tâm lý học lâm sàng | 8310402 | Định hướng ứng dụng |
| 22 | Khoa học thông tin – thư viện | 8320201 | |
| 23 | Tôn giáo học | 8229009 | |
| 24 | Tôn giáo học | 8229009.03 | Công tác tính ngưỡng, tôn giáo |
| 25 | Triết học | 8229001 | |
| 26 | Văn hoá học | 8229040 | |
| 27 | Văn học | 8229030 | |
| 28 | Việt Nam học | 8310630 | |
| 29 | Xã hội học | 8310301 | |

B. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ:

| TT | Chương trình đào tạo | Mã số | Ngành |
|-----------|--|--------------|-----------------|
| 1 | Báo chí học | 9320101 | |
| 2 | Chính trị học | 9310201 | |
| 3 | Công tác xã hội | 9760101 | |
| 4 | Du lịch | 9810101 | |
| 5 | Đông Nam Á học | 9310608.02 | Đông phương học |
| 6 | Hán Nôm | 9220104 | |
| 7 | Khảo cổ học | 9229010.01 | Lịch sử |
| 8 | Khoa học thông tin – thư viện | 9320201 | |
| 9 | Lý luận văn học | 9229030.01 | Văn học |
| 10 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 9229010.02 | Lịch sử |
| 11 | Lịch sử sử học và sử liệu học | 9229010.03 | Lịch sử |
| 12 | Lịch sử thế giới | 9229010.04 | Lịch sử |
| 13 | Lịch sử Việt Nam | 9229010.05 | Lịch sử |
| 14 | Lưu trữ học | 9320303 | |
| 15 | Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam | 9229020.02 | Ngôn ngữ học |
| 16 | Ngôn ngữ học | 9229020.01 | Ngôn ngữ học |
| 17 | Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu | 9229020.03 | Ngôn ngữ học |
| 18 | Ngôn ngữ Việt Nam | 9229020.04 | Ngôn ngữ học |
| 19 | Nhân học | 9310302 | |
| 20 | Nhật Bản học | 9310613 | |
| 21 | Quan hệ quốc tế | 9310601.01 | Quốc tế học |
| 22 | Quản lý khoa học và công nghệ | 9340412 | |

| | | | |
|----|-----------------------------------|------------|-----------------|
| 23 | Quản lý văn hoá | 9319042 | |
| 24 | Tâm lý học | 9310401 | |
| 25 | Tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam | 9310630.02 | Việt Nam học |
| 26 | Tôn giáo học | 9229009 | |
| 27 | Triết học | 9229001 | |
| 28 | Trung Quốc học | 9310608.01 | Đông phương học |
| 29 | Văn học dân gian | 9229030.02 | Văn học |
| 30 | Văn học nước ngoài | 9229030.03 | Văn học |
| 31 | Văn học Việt Nam | 9229030.04 | Văn học |
| 32 | Xã hội học | 9310301 | |

II. Điều kiện dự tuyển đào tạo

1. Có đủ trình độ và năng lực học vấn, chuyên môn đáp ứng các yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo theo từng trình độ:

a) Đối với trình độ thạc sĩ: Tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (đối với chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu) và đáp ứng yêu cầu tuyển sinh khác của đơn vị đào tạo đối với chương trình dự tuyển;

b) Đối với trình độ tiến sĩ: Tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, đáp ứng các điều kiện về kinh nghiệm nghiên cứu, công bố khoa học, đề cương nghiên cứu, thư giới thiệu và các yêu cầu tuyển sinh khác của đơn vị đào tạo đối với chương trình dự tuyển;

c) Có đủ trình độ tiếng Việt đáp ứng theo yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo, cụ thể đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ tiếng Việt tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép (Xem Phụ lục 3) và chứng chỉ còn giá trị trong thời hạn 02 năm kể từ ngày kí.

- Có bằng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ/tiến sĩ ngành/chuyên ngành tiếng Việt.

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/trung cấp/cao đẳng/đại học/thạc sĩ/tiến sĩ mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Việt.

Ngoài ra, ứng viên cần đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

d) Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu được các cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.

e) Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập tương ứng.

f) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

g) Hoàn thành khóa học bổ túc kiến thức trước khi nộp hồ sơ (trong trường hợp cần phải học).

III. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức nộp hồ sơ và yêu cầu hồ sơ đăng kí dự tuyển:

1.1. Hình thức nộp hồ sơ: Sinh viên quốc tế nộp hồ sơ bản mềm qua email: study@ussh.edu.vn và hồ sơ bản cứng qua địa chỉ: Phòng Đào tạo – Bộ phận Đào tạo Quốc tế, Phòng 207 nhà E, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Thanh Xuân Trung, Hà Nội, Việt Nam.

1.2. Yêu cầu về hồ sơ:

- Đơn đăng kí theo mẫu
 - Bản sao công chứng và dịch thuật sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bảng điểm cử nhân (đối với trình độ thạc sĩ). Đối với các văn bằng được cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam cần có hợp pháp hóa lãnh sự.
 - Bản sao công chứng và dịch thuật sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bảng điểm thạc sĩ (đối với trình độ tiến sĩ). Đối với các văn bằng được cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam cần có hợp pháp hóa lãnh sự.
 - Bản sao công chứng chứng nhận hoàn thành khóa học Bổ túc kiến thức (nếu thí sinh phải học)
 - Đối với hồ sơ nộp xét tuyển bậc tiến sĩ: cần nộp đề cương nghiên cứu viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, nghiên cứu trong chương trình và tối thiểu 01 công bố khoa học (nếu thuộc đối tượng được quy định tại Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành của ĐHQGHN). Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận; thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ;
 - Bản sao công chứng chứng chỉ tiếng Việt đạt trình độ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận hoặc đã tốt nghiệp đại học hoặc trình độ tương đương trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt. ***Tham khảo phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Việt được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN.***
 - Kế hoạch học tập
 - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
 - Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
 - Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
 - Ảnh 4x6
- (Cần phải nộp 03 bộ hồ sơ đối với bậc thạc sĩ và 05 bộ hồ sơ đối với bậc tiến sĩ)*

1.3. Thời gian tổ chức xét hồ sơ và thông báo kết quả:

| Công việc | Thời gian |
|--------------------------------|--|
| Thời gian đăng kí và nộp hồ sơ | Đợt 1: Từ khi thông báo tuyển sinh đến ngày 29/04/2025 Đợt 2: Từ 16/06/2025 đến ngày 30/09/2025 |
| Thời gian xét hồ sơ | Đợt 1: Trước ngày 29/05/2025 Đợt 2: Trước ngày 29/10/2025 |
| Thời gian thông báo kết quả | Đợt 1: Dự kiến ngày 14/06/2025 Đợt 2: Dự kiến ngày 14/10/2025 |

IV. Kế hoạch học tập**1. Thời gian nhập học:**

Dự kiến đợt 1 vào 30/06/2025 và đợt 2 vào 30/11/2025.

2. Thời gian đào tạo:

- Thời gian chuẩn đào tạo trình độ thạc sĩ: 02 năm

- Thời gian chuẩn đào tạo trình độ tiến sĩ: 03 năm

Thí sinh trúng tuyển sẽ được chính thức công nhận là học viên cao học và nghiên cứu sinh sau khi hoàn thành thủ tục nhập học và thủ tục học phí.

C. THÔNG TIN VỀ HỌC PHÍ

(Căn cứ Quyết định số 2440/QĐ-XHNV ngày 07/07/2023 về việc quy định mức thu học phí các hệ, bậc đào tạo cho người nước ngoài)

1.1 Học phí trình độ thạc sĩ: 67.500.000đ/năm/HV

1.2. Học phí trình độ tiến sĩ: 90.000.000đ/năm/NCS

Hàng năm, mức kinh phí đào tạo có thể được điều chỉnh theo quy định.

D. THÔNG TIN LIÊN HỆ VÀ HỖ TRỢ THÍ SINH

Phòng Đào tạo – Bộ phận Đào tạo quốc tế (phòng 207 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.

Email liên hệ: study@ussh.edu.vn

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị đào tạo (đề p/h);
- Các cơ quan/đơn vị;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS Đặng Thị Thu Hương

Phụ lục 1: DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN THẠC SĨ

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-----------------------------|---|--|---|--|---|
| 1 | 8320101 | Báo chí học (định hướng nghiên cứu) | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí học, cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Quan hệ công chúng</i> | <p>- Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài; Xã hội học và Nhân học; Thông tin – thư viện; Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i></p> <p>- Các ngành: <i>Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|--|--|
| 2 | 8310608.01 | Châu Á học | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học, cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Ả rập, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Sư phạm Tiếng Anh.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: <i>Báo chí và truyền thông, Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> <p>- Có 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự thi.</p> |
| 3 | 8340402 | Chính sách công | Các ngành: <i>Khoa học quản lý, Chính trị học, Luật.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Xã hội và nhân học, Tâm lý học, nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học</i> + Các ngành: <i>Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước,</i></p> | | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|--|
| | | | | <p><i>Quản lí nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Quản lí nhà nước về an ninh trật tự.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: tất cả các ngành còn lại.</p> | | gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |
| 4 | 8310201 | Chính trị học | <p>Các ngành: <i>Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lí nhà nước, Quan hệ quốc tế.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: Các ngành: <i>Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lí nhà nước về an ninh trật tự, Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 5 | 8760101 | Công tác xã hội | <p>Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội, cụ thể: <i>Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật</i></p> | <p>- Các ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Quản trị- Quản lý, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục</i></p> <p>- Các ngành: <i>Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Văn hóa học, Gia đình học, Chính trị học, Đông</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|---|
| | | | | <i>Phương học, Giáo dục đặc biệt, Giới và Phát triển, Quản lý dự án, Luật, Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam Y tế công cộng, Điều dưỡng, Y học dự phòng</i> | chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | |
| 6 | 8810101 | Du lịch | Các ngành: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành thuộc nhóm ngành: Du lịch, Khách sạn – nhà hàng, Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Luật kinh tế, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Xã hội học, Nhân học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.</i> + Các ngành: <i>Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa</i> - Ngành phù hợp 3:Tất cả các ngành khác.</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 cần có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực du lịch. - Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 3 cần có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực du lịch. |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|---|
| 7 | 8220104 | Hán Nôm | Ngành: <i>Hán Nôm</i> | Các ngành: <i>Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.</i> | Không tuyển | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |
| 8 | 8340401 | Khoa học quản lý | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Khoa học quản lý. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Khoa học chính trị, Xã hội và nhân học, Công tác xã hội. Cụ thể: <i>Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật</i> + Ngành: <i>Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản lý tài nguyên và môi trường; Chính trị học, Quản trị khách sạn, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thông tin, Các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý, quản trị.</i></p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)- Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2, |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|--|---|
| | | | | - Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại. | | phù hợp 3 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự tuyển). |
| 9 | 8320201 | Khoa học thông tin thư viện | Các ngành: <i>Thông tin – Thư viện, Khoa học thư viện, Thông tin học, Quản lý thông tin.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng, Xuất bản – phát hành. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i> + Ngành: <i>Lịch sử, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện đăng ký dự tuyển |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-----------------------------|---|--|--|---|--|
| 10 | 8210231 | Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình | <p>Các ngành: Công nghệ điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Đạo diễn sân khấu; Hội họa; Điêu khắc; Kiến trúc; Đồ họa; Thiết kế đồ họa; Văn học; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật.</p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Ngôn ngữ học.</i> + Các ngành: <i>Sư phạm Ngữ văn; Văn hóa học; Báo chí; Xã hội học; Tâm lý học; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh; Nhiếp ảnh; Thông tin - Thư viện; Quản lý thông tin; Quan hệ công chúng; Quốc tế học; Đông phương học; Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lý luận, lịch sử và phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lý văn hóa; Sáng tác văn học; Quản lý dự án; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Mỹ thuật đô thị; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế thời trang; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm mỹ thuật; Sư phạm âm nhạc; Việt Nam học; Châu Á học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Triết học; Tôn giáo học; Nhân học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|--|---|
| 11 | 8229010 | Lịch sử | Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Khác của lĩnh vực Nhân văn, Khu vực học, Khoa học chính trị, Văn thư- Lưu trữ- Bảo tàng. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Lưu trữ học, Bảo tàng học</i> + Các ngành: <i>Địa lý học, Thông tin – Thư viện, Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành, Quản trị khách sạn.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Các ngành: <i>Tâm lý học, Công tác xã hội, Khoa học quản lý, Quan hệ công chúng, Báo chí, Quản trị văn phòng, Giáo dục chính trị.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|---|---|
| 12 | 8320303 | Lưu trữ học | Các ngành: <i>Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Quản lý - Quản trị, Thông tin – Thư viện. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin</i>+ Các ngành: <i>Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quản trị văn phòng, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Nhân học, Quan hệ quốc tế, Tâm lý học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Quản lý văn hoá, Quản lý thông tin, Quản lý công</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện đăng ký dự tuyển</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|--|
| 13 | 8229020 | Ngôn ngữ học | <p>Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ và Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài và Sư phạm tiếng dân tộc thiểu số trong nhóm ngành Đào tạo giáo viên, Khu vực học. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Sư phạm Tiếng Bana, Sư phạm Tiếng Êđê, Sư phạm Tiếng Jrai, Sư phạm Tiếng Khmer, Sư phạm Tiếng H'mong, Sư phạm Tiếng Chăm, Sư phạm Tiếng M'ông, Sư phạm Tiếng Xêđăng, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Ngôn ngữ J'rai, Ngôn ngữ Chăm, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ Hmông, Nhân học, Văn học, Sư phạm ngữ văn, Văn hóa học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|---|
| 14 | 8310302 | Nhân học | Ngành: <i>Nhân học</i> . | <p>- Ngành phù hợp 2: <i>Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Tôn giáo học, Triết học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Gia đình học, Chính trị học, Xã hội học, Tâm lý học, Khoa học quản lý, Bảo tàng học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Địa lý học, Châu Á học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quốc tế học, Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị, Đô thị học, Phát triển nông thôn, Công tác xã hội, Y tế công cộng, Du lịch.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 15 | 8310613 | Nhật Bản học | <p>Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i></p> | | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 1, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|---|---|
| 16 | 8310601.01 | Quan hệ quốc tế | <p>- Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>- Ngành: <i>Quan hệ quốc tế.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Xã hội học và Nhân học, Khác thuộc lĩnh vực Nhân văn, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Xã hội học, Nhân học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả rập</i> + Các ngành: <i>Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Chính trị học, Quản lý công, Công tác xã hội, Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành <i>Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh</i> yêu cầu có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|--|
| 17 | 8340412 | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Ngành: <i>Khoa học quản lý.</i> | | Tất cả các ngành | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-----------------------------|---|---|--|---|---|
| 18 | 8319042 | Quản lý văn hoá | Các ngành: <i>Quản lý văn hoá, Lịch sử, Văn hoá học, Khoa học quản lý, Nhân học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Khác trong lĩnh vực nhân văn, Khu vực học, Văn thư- Lưu trữ- Bảo tàng. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Các ngành liên quan đến quản lý, Thông tin – Thư viện, Hán Nôm, Báo chí, Xã hội học, Quan hệ công chúng, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Chính trị học, Tâm lý học, Công tác xã hội</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|--|---|
| 19 | 8320109 | Quản trị báo chí truyền thông (định hướng ứng dụng) | Các ngành thuộc nhóm ngành Báo chí - Truyền thông. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài; Xã hội học và Nhân học; Thông tin – thư viện, Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i> + Các ngành: <i>Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học. - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|---|--|
| 20 | 8340406 | Quản trị văn phòng | Các ngành: <i>Lưu trữ học và Quản trị văn phòng; Quản trị văn phòng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2 : + Ngành thuộc nhóm ngành: Quản trị - Quản lý; Thông tin – Thư viện; Lưu trữ học. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i> + Ngành: <i>Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước.</i> - Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) - Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp 2/phù hợp 3 phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển |
| 21 | 8310401 | Tâm lý học | Các ngành: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i> + Các ngành: <i>Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Sư phạm mẫu giáo, Quản lý giáo dục, Y tế công cộng, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Chính trị học, Quản trị nhân lực, Du lịch, Khoa học quản lý, Luật, Triết học, Tôn giáo học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|--|--|---|
| | | | | | bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành | học quốc gia/quốc tế được xuất bản có chỉ số ISBN). |
| 22 | 8310402 | Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng) | Các ngành: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và nhân học, Y học. <i>Cụ thể: Xã hội học, Nhân học, Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Y tế công cộng, Điều dưỡng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Người có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại Khá cần có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác.</p> <p>- Người có bằng tốt nghiệp đại học đạt dưới loại Khá thì phải có ít nhất 02 năm công tác trong lĩnh vực thực hành, nghiên cứu, giảng dạy tâm lý học và tâm lý học lâm sàng.</p> |
| 23 | 8229009 | Tôn giáo học | Các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:Các ngành: <i>Tâm lý học, Xã hội học, Gia đình học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|--|--|--|---|
| | | | | | đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành | được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN |
| 24 | 8229009 | Tôn giáo học (chương trình đào tạo Công tác tín ngưỡng, tôn giáo) | Các ngành cùng nhóm ngành với ngành Tôn giáo học, cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học.</i> | Các ngành trong nhóm ngành: Khu vực học, Khoa học chính trị, Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Quản trị - quản lý, Luật, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Du lịch. Cụ thể là các ngành: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|--|--|
| 25 | 8229001 | Triết học | Các ngành: <i>Triết học, Tôn giáo học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành ngoài ngành phù hợp 1 trong nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn. Cụ thể: <i>Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học</i> + Các ngành: <i>Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông phương học, Việt Nam học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 26 | 8229040 | Văn hóa học | Các ngành: <i>Văn hoá học, Quản lý văn hóa, Lịch sử, Sử phạm Lịch sử, Triết học, Văn học, Hán Nôm, Ngôn ngữ học, Khoa học quản lý, Nhân học, Chính trị học, Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành, Việt Nam học, Tôn giáo học, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Báo chí học, Bảo tàng học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: <i>Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Thông tin học, Khoa học thư viện, Tâm lý học, Xã hội học, Công tác xã hội, Quan hệ công chúng, Địa lý, Khoa học phát triển.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|--|--|
| 27 | 8229030 | Văn học | Các ngành: Văn học, Sư phạm ngữ văn | <p>- Ngành phù hợp 2:+ Các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Văn hóa học; Ngôn ngữ học; Triết học; Tôn giáo học; Lịch sử, Quản lý văn hóa; Hán Nôm; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Sáng tác văn học; Việt Nam học, Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Báo chí; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |
| 28 | 8310630 | Việt Nam học | Các ngành: <i>Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Ngành trong nhóm ngành: <i>Khu vực học, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Kinh tế học, Xã hội học và Nhân học, Khoa học giáo dục, Quản trị - Quản lý, Du lịch. Cụ thể: Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo | <p>- Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-----------------------------|---|---|---|---|---|
| | | | | <p><i>Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Xã hội học, Nhân học, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Địa lý học, Báo chí, Quản lý tài nguyên và môi trường, Luật, Hán Nôm, Chính trị học, Sư phạm Lịch sử - Địa lý</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3:</p> <p>+ Ngành trong nhóm ngành: <i>Tâm lý học, Thông tin - Thư viện, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử viễn thông, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Cụ thể: Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc.</i></p> | <p>đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN)</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|-------------------------|---|---|---|--|---|
| 29 | 8310301 | Xã hội học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Công tác xã hội, Quản trị - Quản lý, Tâm lý học, Kinh tế học. Cụ thể: <i>Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số.</i> + Các ngành: <i>Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Triết học, Tôn giáo học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Luật, Đông Phương học, Việt Nam học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên. - Tốt nghiệp đại học dưới loại Khá phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, hoặc bài đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế được xuất bản bởi nhà xuất bản có chỉ số ISBN) |

Phụ lục 2: DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP XÉT TUYỂN TIẾN SĨ

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| 1 | 9320101 | Báo chí học | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí học, cụ thể: <i>Báo chí học Truyền thông đại chúng Quan hệ công chúng</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành thuộc nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài; Xuất bản – Phát hành, Quản trị - Quản lý. Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Xuất bản, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</i> + Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Chính trị học, Quan hệ Quốc tế, Quản lý Nhà nước, Kinh tế chính trị, Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| 2 | 9310201 | Chính trị học | Các ngành: <i>Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế, Quản lý nhà nước.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Khác của lĩnh vực Nhân văn, Xã hội học và nhân học, Địa lý học, Khu vực học, Báo chí và truyền thông, Luật. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Xã hội học, Nhân học, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành khác.</p> | | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| 3 | 9760101 | Công tác xã hội | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội, cụ thể: <i>Công tác xã hội</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Quản trị- quản lý. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</i> + <i>Các ngành:</i> Giáo dục đặc biệt, Đông phương học, Chính trị học, Triết học, Luật, Lịch sử, Y tế công cộng, Văn hóa học, Tôn giáo học, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện.</p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển. |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| 4 | 9810101 | Du lịch | Các ngành: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành thuộc nhóm ngành: Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Xã hội học, Nhân học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i> + Các ngành: <i>Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|--|---|
| 5 | 9310608.02 | Đông Nam Á học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học. Cụ thể: Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học | - <i>Ngành/chuyên ngành phù hợp 2:</i> Quan hệ Quốc tế, Kinh tế quốc tế, Lịch sử thế giới, Văn học nước ngoài, Tôn giáo học, Nhân học, Chính trị học, Ngôn ngữ Anh. | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển |
| 6 | 9220104 | Hán Nôm | Hán Nôm | Không tuyển | Không tuyển | |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|--|--|---|--|
| 7 | 9229010.01 | Khảo cổ học | Các ngành: <i>Khảo cổ học, Lịch sử, Sư phạm lịch sử.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: Các ngành trong Nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Bảo tàng học. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào công sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Bảo tàng học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 8 | 9320201 | Khoa học Thông tin - Thư viện | Các ngành: <i>Thông tin – Thư viện, Thông tin học, Khoa học Thư viện, Quản lý thông tin, Khoa học Thông tin – Thư viện</i> | <p>- Ngành/ chuyên ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành đào tạo: Báo chí & Truyền thông; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng; Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản.</i> + Các ngành/chuyên ngành: <i>Lịch sử; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học quản lý.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|--|---|---|
| 9 | 9229030.01 | Lý luận văn học | Các ngành: Văn học, Lý luận văn học | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành: Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Hán Nôm, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh</p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có</p> |
| 10 | 9229010.02 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | Các ngành: Lịch sử, Sử phạm lịch sử, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | <p>- Ngành phù hợp 2:+ Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào công sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh. + Các ngành: Lưu trữ học, khoa học thư viện, Khoa học Thông tin – Thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Quan hệ quốc tế.</p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| 11 | 9229010.04 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Các ngành: <i>Lịch sử, Sử phạm lịch sử</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư - Lưu trữ, Bảo tàng; Khoa học Thông tin - thư viện, Văn hóa học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Hán Nôm. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Khoa học Thông tin - thư viện, Văn hóa học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Hán Nôm.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 12 | 9229010.03 | Lịch sử thế giới | Các ngành: <i>Lịch sử, Sử phạm lịch sử</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư - Lưu trữ, Bảo tàng; Khoa học Thông tin - thư viện. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Khoa học Thông tin - thư viện.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|--|
| 13 | 9229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Việt Nam</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh</i> Các ngành: <i>Chính trị học, Khoa học Thư viện, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Lưu trữ học, Việt Nam học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 14 | 9320303 | Lưu trữ học | Các ngành: <i>Lưu trữ học và Tư liệu học, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Lịch sử, Bảo tàng học, Khoa học Thư viện, Hán Nôm, Ngôn ngữ Pháp, Chính sách công và Quản lý công, Quản lý giáo dục.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|--|--|
| 15 | 9310613 | Nhật Bản học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> | | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành các trường hợp khác nếu có. |
| 16 | 9229020.01 | Ngôn ngữ học | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sư phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn,</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển. |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|--|--|
| | | | | <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i> | | |
| 17 | 9229020.02 | Ngôn ngữ các dân tộc thị ều số Việt Nam | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Su phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển. |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|--|--|
| 18 | 9229020.03 | Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sư phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển. |
| 19 | 9229020.04 | Ngôn ngữ Việt Nam | Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:</p> <p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|--|--|--|
| | | | | + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sư phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i> | đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển. |
| 20 | 9310302 | Nhân học | Các ngành: <i>Nhân học, Dân tộc học.</i> | - Ngành phù hợp 2: <i>Triết học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học, Văn học dân gian, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Xã hội học, Chính trị học, Tâm lý học, Quan hệ quốc tế, Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý khoa học và công nghệ, Bảo tàng học, Công tác xã hội, Y tế công cộng, Du lịch.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|--|---|---|---|
| 21 | 9310601.01 | Quan hệ quốc tế | <p>- Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> - - Ngành: <i>Quan hệ quốc tế.</i></p> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i> + Các ngành: <i>Lịch sử thế giới; Luật quốc tế; Chính trị học; Kinh tế học, Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Văn hoá học; Chính sách công; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc.</i> + Các ngành cần có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng: <i>Tình báo an ninh; An ninh phi truyền thống; Nghệ thuật quân sự; Lịch sử nghệ thuật quân sự; Chiến lược quân sự; Chiến lược quốc phòng; Tình báo quân sự</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nêu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|--|--|---|---|
| 22 | 9340412 | Quản lý Khoa học và Công nghệ | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý giáo dục, Quản trị kinh doanh, Chính trị học, Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Thông tin học, Quản lý công nghệ thông tin, Công nghệ vật liệu, dệt may, Quản trị nhân lực.</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại</p> | | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.</p> <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2/phù hợp 3 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 23 | 9229042 | Quản lý văn hóa | Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành Quản lý văn hóa, cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học</i> | <p>Gồm các ngành trong nhóm ngành: Quản trị - Quản lý; Xã hội học và Nhân học; Khu vực học; Khoa học chính trị; Báo chí và truyền thông; Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, cụ thể là các ngành: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, Xã hội học, Nhân học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.</p> <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|--|--|--|--|
| | | | | <i>học, Việt Nam học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học</i> | chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | |
| 24 | 9310401 | Tâm lý học | Các ngành: <i>Tâm lí học, Tâm lí học giáo dục.</i> | - Ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Công tác xã hội, Xã hội học, Quản lý giáo dục, Giáo dục đặc biệt.</i> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 25 | 9310630.02 | Tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Việt Nam học, cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông</i> | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn, Khoa học chính trị, Xã hội học và Nhân học, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Du lịch, Thông tin – Thư viện, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| | | | Nam Á học, Việt Nam học. | giáo viên. Cụ thể là các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc.</i> | ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | hợp 2/phù hợp 3 hoặc các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|---|---|
| 26 | 9229009 | Tôn giáo học | Các ngành: <i>Tôn giáo học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Triết học, Giáo dục chính trị</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: <i>Các ngành: Tâm lý học, Gia đình học, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa</i></p> <p>- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại</p> | | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.</p> <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2/phù hợp 3 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |
| 27 | 9229001 | Triết học | Các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học.</i> | <p>- Ngành phù hợp 2:+ Các ngành trong nhóm ngành Khác của lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông Phương học, Việt Nam học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1.</p> <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có.</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|--|--|---|---|
| 28 | 9310608.01 | Trung Quốc học | Các ngành/chuyên ngành: <i>Đông phương học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Châu Á học; Quốc tế học, Trung Quốc học</i> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: + Ngành trong nhóm ngành Du lịch. Cụ thể: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</i> + Các ngành: <i>Văn học nước ngoài, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Tôn giáo học, Hán Nôm, Xã hội học, Nhân học; Thí sinh có bằng thạc sĩ tại Trung Quốc những ngành còn lại.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển</p> |
| 29 | 9229030.02 | Văn học dân gian | Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học, Văn học dân gian</i> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: Các ngành: <i>Văn học Việt Nam, Hán Nôm, Lý luận văn học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn hóa dân gian, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh, Việt Nam học, Nhân học, Dân tộc học.</i></p> | <p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p> | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. + Đối với thí sinh có bằng thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam và Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, phải có đề tài luận</p> |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|--|--|--|
| | | | | | | văn thạc sĩ nghiên cứu về văn học. |
| 30 | 9229030.03 | Văn học nước ngoài | Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học, Văn học nước ngoài</i> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Lý luận văn học; Văn học so sánh; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |
| 31 | 9229030.04 | Văn học Việt Nam | Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học; Văn học Việt Nam</i> | <p>- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2: + Các ngành: <i>Lý luận văn học; Văn học dân gian; Văn học nước ngoài; Văn học so sánh; Việt Nam học; Hán Nôm; Ngôn ngữ Việt Nam; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | + Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. |

| TT | Mã ngành đào tạo/chương trình đào tạo (1) | Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2) | Danh mục ngành đúng/ngành gần phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT, không yêu cầu kinh nghiệm công tác) (3) | Danh mục ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4) | Danh mục ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5) | Yêu cầu khác đối với ngành phù hợp 2/ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác (6) |
|----|--|---|---|---|--|---|
| 32 | 9310301 | Xã hội học | Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i> | <p>- Ngành phù hợp 2: + Các ngành trong nhóm ngành: Quản trị - Quản lý, Công tác xã hội, Tâm lý học, Báo chí - Truyền thông, Khoa học Giáo dục. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Công tác xã hội, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy, Giáo dục quốc tế và so sánh, Giáo dục đặc biệt.</i> + Các ngành: <i>Triết học, Văn hóa học, Tôn giáo học, Gia đình học, Luật, Đông phương học, Việt Nam học.</i></p> | Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác không thuộc danh mục ngành phù hợp 2, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. | <p>+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên ngành phù hợp 1. + Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có. - Đối với thí sinh dự tuyển thuộc danh mục ngành phù hợp 2/phù hợp 3, yêu cầu có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác liên quan lĩnh vực dự tuyển</p> |

**Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Việt được công nhận trong
tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận |
|------------|---|
| 1. | Trường Đại học Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam |
| 2. | Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế |
| 3. | Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên – Huế |
| 4. | Trường Đại học Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long |
| 5. | Trường Hữu nghị 80 |
| 6. | Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên |
| 7. | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội |
| 8. | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 9. | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên |
| 10. | Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng |
| 11. | Trường Hữu Nghị T78 |
| 12. | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp.HCM |
| 13. | Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An |
| 14. | Trường Đại học Hạ Long |
| 15. | Trường Cao đẳng Sơn La |
| 16. | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 17. | Trường Đại học Hà Nội |
| 18. | Trường Đại học Duy Tân |
| 19. | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 |
| 20. | Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng |

Dán ảnh cỡ
4x6

Attach your
photo size 4x6

PHIẾU ĐĂNG KÍ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM
FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

*Điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Ghi họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

| | | | |
|----|--|--|--|
| 1 | Họ/Family name | Tên đệm/Middle name | Tên/First name |
| 2 | Ngày sinh/Date of birth: | Ngày/Day. tháng/month năm/year. | |
| 3 | Giới tính/Gender: | <input type="checkbox"/> Nam/Male | <input type="checkbox"/> Nữ/Female |
| 4 | Nơi sinh/Place of birth: | Thành phố/City. Nước/Country. | |
| 5 | Quốc tịch/Nationality: | | |
| 6 | Nghề nghiệp/Occupation: | | |
| 7 | Tôn giáo/Religion: | | |
| 8 | Hộ chiếu/Passport: | Số/Number | Nơi cấp/Place of issue |
| | | Ngày cấp/Date of issue | Ngày hết hạn/Expiry date |
| 9 | Tình trạng hôn nhân/ Marital status: | <input type="checkbox"/> Độc thân/Single <input type="checkbox"/> Đã kết hôn/Married <input type="checkbox"/> Ly dị/Divorced | |
| 10 | Tiếng mẹ đẻ/ Native language: | | |
| 11 | Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address: | | |
| 12 | Điện thoại nhà riêng trong nước/ Home phone number in your home country/Email: | | |
| 13 | Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/ Contact person in your home country in case of emergency: | | |
| | Họ tên/Full name | | Quan hệ/Relationship |
| | Địa chỉ nơi ở/Residential address | | Nơi làm việc/Place of work |
| | Điện thoại/Phone number | | Email |

| | | | | |
|---|--|---|--|---------------------------------------|
| 14 | Quá trình học tập/Educational background: | | | |
| | Năm học Academic year | Cơ sở đào tạo Institution | Ngành học Field of Study | Văn bằng, chứng chỉ Qualifications |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 15 | Quá trình công tác/Employment record: | | | |
| | 15.1 Cơ quan công tác/Employer: | | | |
| | Thời gian công tác/ Time of employment: | | Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year. | |
| | Vị trí công tác/Job Title: | | | |
| | Mô tả công việc/Job Description: | | | |
| | 15.2 Cơ quan công tác/Employer: | | | |
| | Thời gian công tác/ Time of employment: | | Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year. | |
| | Vị trí công tác/Job Title: | | | |
| | Mô tả công việc/Job Description: | | | |
| 16 | Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency: | | | |
| | <input type="checkbox"/> Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column: | | <input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced | |
| | Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information: | | | |
| | Tên các trường đã học/ Names of institutions attended: | | | |
| | Tổng thời gian đã học/ Total length of study: | | giờ/hours tháng/months năm/years | |
| | Chứng nhận trình độ tiếng Việt/ Certificate of Vietnamese language proficiency: | | <input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Có/Yes Trình độ/Level: | |
| Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded: | | <input type="checkbox"/> THPT/High school <input type="checkbox"/> Cao đẳng/College <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/Doctor | | |

| | | | |
|----|--|--|-----------------------------------|
| 17 | Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency: | | |
| | <input type="checkbox"/> Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column: | <input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced | |
| 18 | Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: Trình độ/Level: Trình độ/Level: | | |
| 19 | Khóa học đăng kí/Proposed Study Program: <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/PhD <input type="checkbox"/> Trao đổi ngắn hạn/Exchange course | | |
| 20 | Ngành/chuyên ngành đào tạo đăng kí/Proposed field of study: | | |
| 21 | Thời gian học đăng kí/Proposed period of study: Từ/From: ngày/day tháng/month. năm/year. Đến/To: ngày/day tháng/month. năm/year. | | |
| 22 | Đơn vị đào tạo đăng kí/Proposed educational institution for study/research: | | |
| 23 | Ngôn ngữ đăng kí sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: <input type="checkbox"/> Tiếng Việt/Vietnamese <input type="checkbox"/> Tiếng Anh/English <input type="checkbox"/> Ngôn ngữ khác/Other language: | | |
| 24 | Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any): | | |
| | Họ tên/Full name 1..... 2..... | Quan hệ/Relationship | Địa chỉ/Address |
| 25 | Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: <input type="checkbox"/> Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship <input type="checkbox"/> Học bổng khác/Other Scholarship <input type="checkbox"/> Tự túc kinh phí/Self-funding | | |
| 26 | <p>Tôi, người kí tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng kí này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lí lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.</p> <p>I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all</p> | | |

| | |
|--|--|
| | regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam. |
| Ngày/Daytháng/month năm/year Kí tên/Applicant's signature: | |

DANH MỤC GIẤY TỜ ĐĂNG KÍ HỌC BẠC THẠC SĨ
(dành cho người nước ngoài)

| STT | DANH MỤC CÁC GIẤY TỜ |
|-----|--|
| 1 | Phiếu đăng kí của lưu học sinh (bắt buộc phải nộp) |
| 2 | Bản sao bằng tốt nghiệp cử nhân (có công chứng + kèm bản dịch tiếng Việt/ tiếng Anh) (bắt buộc phải nộp) |
| 3 | Bảng điểm bậc đào tạo cử nhân (có công chứng + kèm bản dịch Tiếng Việt/Tiếng Anh) (bắt buộc phải nộp) |
| 4 | Giấy chứng nhận kết quả học tập bậc thạc sĩ/ tiến sĩ đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài/ Việt Nam (nếu có) |
| 5 | Chứng chỉ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành có thẩm quyền cấp – đạt trình độ tối thiểu B2 (bậc 4/6) (Trong trường hợp học viên đã tốt nghiệp bậc học trước đó chuyên ngành Tiếng Việt sẽ được miễn chứng chỉ Tiếng Việt) |
| 6 | Kế hoạch học tập (bắt buộc phải nộp) |
| 7 | Giấy xác nhận sức khỏe do các cơ quan y tế của nước ngoài hoặc của Việt Nam có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bắt buộc phải nộp) |
| 8 | Bản sao công chứng giấy tờ minh chứng về tài chính để đảm bảo học tập, nghiên cứu, sinh hoạt (bắt buộc phải nộp) |
| 9 | Bản sao công chứng chứng nhận Bổ túc kiến thức (Nếu phải tham gia khóa học) |
| 10 | Bản sao Hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 1 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam (bắt buộc phải nộp) |
| 11 | Ảnh 4 x 6 (4 ảnh) |

Lưu ý:

- Những giấy tờ được cấp ở ngoài lãnh thổ Việt Nam (Ví dụ bằng tốt nghiệp, bảng điểm) cần có hợp pháp hóa lãnh sự trước khi nộp. Nơi xin hợp pháp hóa là Đại sứ quán/Lãnh sự quán Việt Nam tại nước sở tại (nếu ứng viên không ở Việt Nam); Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam (nếu ứng viên ở Việt Nam).

- Cần chuẩn bị **03 (01 bản gốc và 02 bộ photo)** bộ hồ sơ

DANH MỤC GIẤY TỜ ĐĂNG KÍ HỌC BẠC TIẾN SĨ
(dành cho người nước ngoài)

| STT | DANH MỤC CÁC GIẤY TỜ |
|-----|---|
| 1 | Phiếu đăng kí của lưu học sinh (bắt buộc) |
| 2 | Bản sao bằng tốt nghiệp cử nhân/thạc sĩ (có công chứng + kèm bản dịch tiếng Việt/ tiếng Anh) (bắt buộc) |
| 3 | Bảng điểm bậc đào tạo cử nhân/thạc sĩ (có công chứng + kèm bản dịch Tiếng Việt/Tiếng Anh) (bắt buộc) |
| 4 | Tóm tắt luận văn thạc sĩ (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh) (bắt buộc) |
| 5 | Bài luận dự định nghiên cứu (bắt buộc) |
| 6 | Chứng chỉ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành có thẩm quyền cấp – đạt trình độ tối thiểu B2 (bậc 4/6) (Trong trường hợp học viên đã tốt nghiệp bậc học trước đó chuyên ngành Tiếng Việt sẽ được miễn chứng chỉ Tiếng Việt) |
| 7 | Danh mục và bản sao các bài báo khoa học đã công bố (Dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt) thuộc các tạp chí chuyên ngành, bài báo khoa học đăng tại kỷ yếu các hội nghị, hội thảo quốc gia hoặc quốc tế có phân biện. (bắt buộc) |
| 8 | Ít nhất 01 thư giới thiệu của nhà khoa học cùng chuyên ngành đăng kí nhập học có học hàm Phó Giáo sư hoặc Giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ. (bắt buộc) |
| 9 | Kế hoạch học tập (bắt buộc) |
| 10 | Giấy xác nhận sức khỏe do các cơ quan y tế của nước ngoài hoặc của Việt Nam có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bắt buộc) |
| 11 | Bản sao công chứng giấy tờ minh chứng về tài chính để đảm bảo học tập, nghiên cứu, sinh hoạt (bắt buộc) |
| 12 | Giấy chứng nhận kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo (nếu có) |
| 13 | Bản sao Hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 1 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam (bắt buộc) |
| 14 | Ảnh 4 x 6 (4 ảnh) (bắt buộc) |

Lưu ý:

- Đối với Bằng Cử nhân/Thạc sĩ/Tiến sĩ và bảng điểm tương ứng được cấp ở ngoài lãnh thổ Việt Nam cần có công chứng và thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự tại: Đại sứ quán/Lãnh sự quán Việt Nam tại nước sở tại (nếu ứng viên đang không ở Việt Nam) hoặc Cục lãnh sự - Bộ Ngoại giao (nếu ứng viên hiện đang ở Việt Nam)
- Lưu học sinh chuẩn bị **5 bộ hồ sơ (01 bản gốc và 4 bản photo)** với đầy đủ nội dung trên đây.